TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BOM** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 228/2023/HS-ST
Ngày: 25 – 10 -2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Tâm.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Đình Quang và ông Đặng Quang Hoạch.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phan Thị Hồng Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai:* Ông Lê Trọng Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 208/2023/TLST-HS ngày 28 tháng 8 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 201/2023/QĐXXHS-ST ngày 28/8//2023; thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử số 201/2023/TB-TA ngày 12/9/2023 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn Y, sinh năm 1970, tại Cà Mau. Hộ khẩu thường trú: Ấp P, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Nơi cư trú: Ấp P, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Giới tính: Nam. Nghề nghiệp: Không. Trình độ học vấn: 8/12. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Con ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1926 (đã chết) và bà Lê Thị M, sinh năm 1934. Gia đình có 08 anh chị em, bị cáo là con thứ bảy trong gia đình. Bị cáo có vợ tên Trương Thị X, sinh năm 1972. Bị cáo có 04 người con, con lớn nhất sinh năm 1993, con nhỏ nhất sinh năm 2005. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị giam giữ từ ngày 24/4/2023 đến ngày 03/5/2023. Hiện bị cáo đang được tại ngoại (có mặt).

2. Hoàng Thị Quỳnh H, sinh năm 1984 tại Thừa Thiên Huế. Hộ khẩu thường trú: 60/3, đường H, phường P, thành phố H, tỉnh T. Nơi cư trú: Tổ A, khu phố B, phường L, tỉnh Đồng Nai. Giới tính: Nữ. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Thiên chúa. Trình độ học vấn: 9/12. Nghề nghiệp: Thợ may. Con ông Hoàng B (đã chết) và bà Nguyễn Thị Băng T, sinh năm 1950. Gia đình có 06 chị em, bị cáo là con út trong gia đình. Bị cáo có chồng tên Phạm Tuấn V, sinh năm 1989. Bị cáo có 01 người con sinh năm 2019. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/4/2023 đến ngày 03/5/2023. Hiện bị cáo đang được tại ngoại (có mặt).

3. Phạm Ngọc D, sinh năm 1981, tại Cà Mau. Hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Nơi cư trú: đường C, tổ 45, ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Giới tính: Nữ. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Phật. Trình độ học vấn: Không biết chữ. Nghề nghiệp: Buôn bán. Con ông Phạm Văn T, sinh năm 1949 và bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1950. Gia đình có 10 chị em, bị cáo là con thứ năm trong gia đình. Bị cáo có chồng tên Nguyễn Văn H, sinh năm 1976. Bị cáo có 02 người con, con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2005. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/4/2023 đến ngày 03/5/2023. Hiện bị cáo đang được tại ngoại (có mặt).

4. Nguyễn Đại H1, sinh năm 1995, tại Đồng Nai. Hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã A, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Giới tính: Nam. Nghề nghiệp: Tài xế. Trình độ học vấn: 12/12. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Con ông Nguyễn Đại D và bà Trần Thị T. Gia đình có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ ba trong gia đình. Bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị giam giữ từ ngày 24/4/2023 đến ngày 22/6/2023. Hiện bị cáo đang được tại ngoại (có mặt).

5. Hồ Thị C, sinh năm 1981, tại An Giang. Hộ khẩu thường trú: Khóm A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Nơi cư trú: 110/4E, ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Giới tính: Nữ. Nghề nghiệp: Buôn bán. Trình độ học vấn: 8/12. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Thiên chúa. Con ông Hồ Văn Đ, sinh năm 1954 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1959. Gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình. Bị cáo có chồng tên Trương Thanh C, sinh năm 1980. Bị cáo có 03 người con, con lớn nhất sinh năm 2003, con nhỏ nhất sinh năm 2020. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị giam giữ từ ngày 24/4/2023 đến ngày 03/5/2023. Hiện bị cáo đang được tại ngoại (có mặt).

6. Lê Thị B (tên gọi khác: H), sinh năm 1964, tại Trà Vinh. Hộ khẩu thường trú: Ấp V, xã V, huyện B, tỉnh Bến Tre. Giới tính: Nữ. Nghề nghiệp: Bán vé số. Trình độ học vấn: 01/12. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Con ông Lê Văn K (đã chết) và bà Lê Thị L, sinh năm 1939. Gia đình bị cáo có 12 chị em, bị cáo là con thứ năm trong gia đình. Bị cáo có chồng tên Lê Minh Q, sinh năm 1965. Bị cáo có 01 người con sinh năm 2005. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị giam giữ từ ngày 24/4/2023 đến ngày 22/6/2023. Hiện bị cáo đang được tại ngoại (có mặt).

7. Châu Thị Ngọc A, sinh năm 1987, tại Bình Thuận. Hộ khẩu thường trú: Xóm A, thôn B, xã Đ, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Nơi cư trú: 81/4, khu A, ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Giới tính: Nữ. Nghề nghiệp: Buôn bán. Trình độ học vấn: Không biết chữ. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Phật. Con ông Châu Văn D, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1959. Gia đình có 05 chị em, bị cáo là con thứ ba trong gia đình. Bị cáo có chồng tên Bùi Đức Q, sinh năm 1985. Bị cáo có 02 người con, con lớn nhất sinh năm 2008, con nhỏ nhất sinh năm 2014. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 24/4/2023 đến ngày 03/5/2023. Hiện bị cáo đang được tại ngoại (có mặt).

8. Nguyễn Thị Ngọc D1, sinh năm 1975, tại Đồng Tháp. Hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Nơi cư trú: Tổ A, đường C, ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Giới tính: Nữ. Nghề nghiệp: Buôn bán. Trình độ học vấn: Không biết chữ. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Trần Thị N, sinh năm 1957. Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình. Bị cáo có chồng tên Nguyễn Hùng T, sinh năm 1974. Bị cáo có 03 người con, con lớn nhất sinh năm 1996, con nhỏ nhất sinh năm 2003. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị giam giữ từ ngày 24/4/2023 đến ngày 03/5/2023. Hiện bị cáo đang được tại ngoại (có mặt).

9. Lê Thị Bé H2, sinh năm 1982, tại Cần Thơ. Hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã T, huyện T, thành phố Cần Thơ. Nơi cư trú: Số A, xóm B, tổ C, ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Giới tính: Nữ. Nghề nghiệp: Không. Trình độ học vấn: 01/12. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Con ông Lê Văn S, sinh năm 1960 và bà Lê Kim L (đã chết). Gia đình có 06 chị em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình. Bị cáo có chồng tên Nguyễn Trường G, sinh năm 1979. Bị cáo có 02 người con, con lớn nhất sinh năm 2003, con nhỏ nhất sinh năm 2009. Tiền án: Ngày 15/02/2023 bị Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xử phạt 20.000.000 đồng về tội "Đánh bạc" theo Bản án số 20/2023/HS-ST. Bị cáo chưa đóng tiền phạt và chưa đóng án phí. Tiền sự: không. Bị cáo bị giam giữ từ ngày 24/4/2023 đến ngày 22/6/2023. Hiện bị cáo đang được tại ngoại (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 13 giờ 30 phút ngày 24/4/2023, tại khu vực chòi lá thuộc đường số 6, khu công nghiệp Hố Nai, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, Công an huyện Trảng Bom bắt quả tang Nguyễn Văn Y, Hoàng Thị Quỳnh H, Phạm Ngọc D, Nguyễn Đại H1, Hồ Thị C, Lê Thị B, Châu Thị Ngọc A, Nguyễn Thị Ngọc D1 và Lê Thị Bé H2 cùng một số đối tượng không rõ nhân thân lai lịch đang có hành vi đánh bạc với hình thức "binh ấn độ" thắng thua bằng tiền. Vật chứng thu giữ gồm: Số tiền 1.300.000 đồng trên chiếu bạc, số tiền 17.000.000 đồng trên người các con bạc, 01 bộ bài, 01 tấm bạt xốp màu trắng - đen kích thước 1m x 1m và 07 điện thoại di động (Bút lục số: 01-03, 177).

Về hình thức đánh bạc như sau: Các con bạc đặt cược số tiền từ 50.000 đồng đến 200.000 đồng trên mỗi ván bạc, sau đó người làm cái sử dụng 01 bộ bài tây loại 52 lá chia đều cho các tụ bài (mỗi tụ 06 lá bài, tối đa là 08 tụ bài). Sau đó, các con bạc xếp bài thành 02 C, mỗi chi 03 lá bài rồi đem bài của mình so bài với bài của người làm cái để xác định thắng thua. Bài lớn được tính theo thứ tự như sau: Ba cào (03 lá bài giống nhau), ba tiên (ba lá bài J, Q, K bất kì), lớn nhất là 9 điểm, nhỏ nhất là 10 điểm (hay còn gọi là bù). Nếu bài của người

làm cái có số điểm của 02 chi đều lớn hơn hoặc có 01 chi bằng điểm và 01 chi lớn điểm hơn thì người làm cái thắng và ngược lại thì con bạc thắng. Nếu bài của người làm cái có số điểm của 01 chi lớn hơn và số điểm của 01 chi nhỏ hơn bài của con bạc khác hoặc số điểm của mỗi chi của người làm cái và của con bạc bằng nhau thì hòa, không ai thắng.

Quá trình điều tra các bị cáo khai nhận hành vi đánh bạc của mình như sau:

1. Nguyễn Văn Y khai nhận: Ngày 24/4/2023, Y mang theo số tiền 10.500.000 đồng và sử dụng số tiền 1.500.000 đồng góp cùng với Hoàng Thị Quỳnh H để tham gia đánh bạc cùng với Phạm Ngọc D, Nguyễn Đại H1, Hồ Thị C, Lê Thị B, Châu Thị Ngọc A, Nguyễn Thị Ngọc D1, Lê Thị Bé H2 và một số đối tượng khác không rõ nhân thân lai lịch với vai trò là người làm cái. Quá trình đánh bạc Y tham gia chơi nhiều ván và bị thua số tiền 800.000 đồng. Khi bị bắt quả tang Y bị thu giữ số tiền 9.000.000 đồng trên người, 700.000 đồng trên chiếu bạc và 01 điện thoại di động hiệu OPPO màu xanh (Bút lục số: 203-216).

2. Hoàng Thị Quỳnh H khai nhận: Ngày 24/4/2023, H mang theo và sử dụng số tiền 1.700.000 đồng để tham gia đánh bạc cùng với Nguyễn Văn Y, Phạm Ngọc D, Nguyễn Đại H1, Hồ Thị C, Lê Thị B, Châu Thị Ngọc A, Nguyễn Thị Ngọc D1, Lê Thị Bé H2 và một số đối tượng khác không rõ nhân thân lai lịch. Lúc đầu H tham gia với vai trò là con bạc, sau đó H góp số tiền 1.500.000 đồng cùng với Nguyễn Văn Y để tham gia đánh bạc với vai trò là người làm cái. Quá trình đánh bạc H tham gia chơi nhiều ván và bị thua số tiền 1.500.000 đồng. Khi bị bắt quả tang H bị thu giữ số tiền 200.000 đồng trên người và 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu xanh (Bút lục số: 227-238).

3 Phạm Ngọc D khai nhận: Ngày 24/4/2023, D mang theo và sử dụng số tiền 2.500.000 đồng để tham gia đánh bạc cùng với Nguyễn Văn Y, Hoàng Thị Quỳnh H, Nguyễn Đại H1, Hồ Thị C, Châu Thị Ngọc A, Nguyễn Thị Ngọc D1, Lê Thị Bé H2 và một số đối tượng khác không rõ nhân thân lai lịch với vai trò là con bạc. Quá trình đánh bạc có Lê Thị B đặt tiền cược ké vào tụ bài của D để cùng tham gia đánh bạc, D tham gia chơi nhiều ván nhưng không thắng, không thua. Khi bị bắt quả tang D bị thu giữ số tiền 2.500.000 đồng trên người và 02 điện thoại di động hiệu Samsung màu trắng (Bút lục số: 251-262).

4. Lê Thị B khai nhận: Ngày 24/4/2023, B mang theo và sử dụng số tiền 270.000 đồng để tham gia đánh bạc. Quá trình đánh bạc B đặt tiền cược ké vào tụ bài của Phạm Ngọc D để cùng tham gia đánh bạc với Nguyễn Văn Y, Hoàng Thị Quỳnh H, Nguyễn Đại H1, Hồ Thị C, Châu Thị Ngọc A, Nguyễn Thị Ngọc D1, Lê Thị Bé H2 và một số đối tượng khác không rõ nhân thân lai lịch với vai

trò là con bạc. B tham gia chơi nhiều ván và bị thua số tiền 20.000 đồng. Khi bị bắt quả tang, B bị thu giữ số tiền 250.000 đồng trên chiếu bạc và 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen (Bút lục số: 325-336).

5. Hồ Thị C khai nhận: Ngày 24/4/2023, C mang theo và sử dụng số tiền 50.000 đồng để tham gia đánh bạc cùng với Nguyễn Văn Y, Hoàng Thị Quỳnh H, Phạm Ngọc D, Lê Thị B, Châu Thị Ngọc A, Nguyễn Thị Ngọc D1, Lê Thị Bé H2 và một số đối tượng khác không rõ nhân thân lai lịch với vai trò là con bạc. Trong quá trình đánh bạc thì có Nguyễn Đại H1 đặt tiền cược ké vào tụ bài của C để cùng tham gia đánh bạc và C có mượn của H1 số tiền 200.000 đồng để đánh bạc nhưng sau đó C đã trả lại cho H1. C tham gia chơi nhiều ván và bị thua hết tiền. Khi bị bắt quả tang C không bị thu giữ đồ vật, tài sản gì khác (Bút lục số: 300-310).

6. Nguyễn Đại H1 khai nhận: Ngày 24/4/2023, H1 mang theo và sử dụng số tiền 1.700.000 đồng để tham gia đánh bạc. Quá trình đánh bạc H1 tham gia đặt tiền cược ké vào tụ bài của Hồ Thị C để để đánh bạc cùng với Nguyễn Văn Y, Hoàng Thị Quỳnh H, Phạm Ngọc D, Lê Thị B, Châu Thị Ngọc A, Nguyễn Thị Ngọc D1, Lê Thị Bé H2 và một số đối tượng khác không rõ nhân thân lai lịch với vai trò là con bạc. Quá trình đánh bạc H1 cho Hồ Thị C mượn số tiền 200.000 đồng để đánh bạc và sau đó Hồ Thị C đã trả lại cho H1. H1 tham gia chơi nhiều ván và thắng số tiền 250.000 đồng. Khi bị bắt quả tang H1 bị thu giữ số tiền 1.950.000 đồng trên người và 01 điện thoại di động hiệu Realme màu xanh (Bút lục số: 274-289).

7. Nguyễn Thị Ngọc Diễm khai nhận: Ngày 24/4/2023, D1 mang theo số tiền 3.250.000 đồng và sử dụng số tiền 500.000 đồng để tham gia đánh bạc cùng với Nguyễn Văn Y, Hoàng Thị Quỳnh H, Phạm Ngọc D, Nguyễn Đại H1, Hồ Thị C, Lê Thị B, Lê Thị Bé H2 và một số đối tượng khác không rõ nhân thân lai lịch với vai trò là con bạc. Quá trình đánh bạc có Châu Thị Ngọc A đặt tiền cược ké vào tụ bài của D1 để cùng tham gia đánh bạc. Diễm tham gia chơi nhiều ván và bị thua số tiền 300.000 đồng. Khi bị bắt quả tang Diễm bị thu giữ số tiền 200.000 đồng trên chiếu bạc và 2.750.000 đồng trên người (Bút lục số: 374-383).

8. Châu Thị Ngọc A khai nhận: Ngày 24/4/2023, A mang theo và sử dụng số tiền 800.000 đồng để tham gia đánh bạc. Quá trình đánh bạc A đặt tiền cược ké vào tụ bài của Nguyễn Thị Ngọc D1 đế đánh bạc cùng với Nguyễn Văn Y, Hoàng Thị Quỳnh H, Phạm Ngọc D, Nguyễn Đại H1, Hồ Thị C, Lê Thị B, Lê Thị Bé H2 và một số đối tượng khác không rõ nhân thân lai lịch với vai trò là

con bạc. A tham gia chơi nhiều ván và bị thua số tiền 200.000 đồng. Khi bị bắt quả tang A bị thu giữ số tiền 600.000 đồng trên người (Bút lục số: 349-360).

9. Lê Thị Bé H2 khai nhận: Ngày 24/4/2023, H2 mang theo và sử dụng số tiền 200.000 đồng để tham gia đánh bạc cùng với Nguyễn Văn Y, Hoàng Thị Quỳnh H, Phạm Ngọc D, Nguyễn Đại H1, Hồ Thị C, Lê Thị B, Châu Thị Ngọc A, Nguyễn Thị Ngọc D1 và một số đối tượng khác không rõ nhân thân lai lịch với vai trò là con bạc. Quá trình đánh bạc H2 tham gia chơi nhiều ván và bị thua số tiền 50.000 đồng. Khi bị bắt quả tang H2 bị thu giữ số tiền 150.000 đồng trên chiếu bạc và 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen (Bút lục số: 401-412).

Như vậy, tổng số tiền các bị cáo Nguyễn Văn Y, Hoàng Thị Quỳnh H, Phạm Ngọc D, Nguyễn Đại H1, Hồ Thị C, Lê Thị B, Châu Thị Ngọc A, Nguyễn Thị Ngọc D1 và Lê Thị Bé H2 sử dụng vào mục đích đánh bạc là 9.220.000 đồng (Chín triệu hai trăm hai mươi ngàn đồng). Tuy nhiên số tiền thực tế các bị cáo sử dụng để đánh bạc thu giữ được khi bị bắt quả tang là 6.550.000 đồng (Sáu triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng). Đối với số tiền 2.670.000 đồng (Hai triệu sáu trăm bảy mươi ngàn đồng), do có một số đối tượng cùng tham gia đánh bạc trước đó thắng bạc và bỏ về trước nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Trảng Bom không thu giữ được.

Tại bản cáo trạng số 203/CT-VKS-TB ngày 16/8/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn Y, Hoàng Thị Quỳnh H, Phạm Ngọc D, Nguyễn Đại H1, Hồ Thị C, Lê Thị B, Châu Thị Ngọc A, Nguyễn Thị Ngọc D1 và Lê Thị Bé H2 về tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt: Các bị cáo Nguyễn Văn Y, Hoàng Thị Quỳnh H, Phạm Ngọc D, Nguyễn Đại H1 từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng; các bị cáo Hồ Thị C, Lê Thị B, Châu Thị Ngọc A, Nguyễn Thị Ngọc D1 từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s, khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Lê Thị Bé H2 mức án từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù.

- Về xử lý vật chứng:

+ Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị Tòa án tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 6.550.000 đồng (sáu triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng); tịch thu tiêu hủy đối với 01 bộ bài tây 52 lá (đã qua sử dụng) và 01 tấm bạt xốp màu trắng - đen kích thước 1m x 1m các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc.

+ Đối với số tiền 11.750.000 đồng và 07 điện thoại di động các loại thu giữ của các bị cáo, do các bị cáo không sử dụng các tài sản trên vào mục đích phạm tội nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Trảng Bom đã trả lại tài sản cho các bị cáo.

- Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Đối với các đối tượng đã tham gia đánh bạc nhưng bỏ về trước, do không xác định được nhân thân lai lịch nên không có căn cứ để xử lý.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát; các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Trảng Bom, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai nhận của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, xét đã có đủ cơ sở để xác định: Vào ngày 24/4/2023 tại khu vực đường số 6, khu công nghiệp Hố Nai, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, Nguyễn Văn Y, Hoàng Thị Quỳnh H, Phạm Ngọc D, Nguyễn Đại H1, Hồ Thị C, Lê Thị B, Châu Thị Ngọc A, Nguyễn Thị Ngọc D1 và Lê Thị Bé H2 đã có hành vi đánh bạc bằng hình thức đánh bài "binh ấn độ" thắng thua bằng tiền. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào mục đích đánh bạc là 9.220.000 đồng. Hành vi nêu trên của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, gây mất an ninh, trật tự tại địa phương và đã phạm vào tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017).

[3] Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án thì thấy: Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội mang tính đồng phạm nhưng ở mức độ giản đơn. Trong đó bị cáo Nguyễn Văn Y, Hoàng Thị Quỳnh H tham gia đánh bạc với vai trò người làm cái nên có vai trò cao hơn và phải chịu mức hình phạt cao hơn các bị cáo còn lại. Tuy nhiên khi lượng hình cũng cần xem xét về số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc, nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ của các bị cáo.

[4] Xét nhân thân của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1] Về nhân thân:

[4.1.1] Các bị cáo Nguyễn Văn Y, Hoàng Thị Quỳnh H, Phạm Ngọc D, Nguyễn Đại H1, Hồ Thị C, Lê Thị B, Châu Thị Ngọc A, Nguyễn Thị Ngọc D1 đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự.

[4.1.2] Bị cáo Lê Thị Bé H2 có nhân thân xấu.

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.2.1] Các bị cáo Nguyễn Văn Y, Hoàng Thị Quỳnh H, Phạm Ngọc D, Nguyễn Đại H1, Hồ Thị C, Lê Thị B, Châu Thị Ngọc A, Nguyễn Thị Ngọc D1 đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017).

[4.2.2] Bị cáo Lê Thị Bé H2 thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi bổ sung năm 2017).

[4.3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

[4.3.1] Các bị cáo Nguyễn Văn Y, Hoàng Thị Quỳnh H, Phạm Ngọc D, Nguyễn Đại H1, Hồ Thị C, Lê Thị B, Châu Thị Ngọc A, Nguyễn Thị Ngọc D không có tình tiết tăng nặng.

[4.3.2] Bị cáo Lê Thị Bé H2 phạm tội khi chưa được xóa án tích. Đây là tình tiết tăng nặng "Tái phạm" được quy định tại điểm h, khoản 1, Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

[5] Qua xem xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy:

[5.1] Các bị cáo Nguyễn Văn Y, Hoàng Thị Quỳnh H, Phạm Ngọc D, Nguyễn Đại H1, Hồ Thị C, Lê Thị B, Châu Thị Ngọc A, Nguyễn Thị Ngọc D đều có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Vì vậy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội, mà áp dụng phạt tiền là hình phạt chính cũng đủ tác dụng giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội mà vẫn đáp ứng được yêu cầu phòng, chống tội phạm trong cộng đồng.

[5.2] Bị cáo Lê Thị Bé H2 có nhân thân xấu, đã từng bị kết án nhưng không lấy đó làm bài học mà vẫn tiếp tục phạm tội do đó cần phải áp dụng hình phạt tù, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa chung.

[6] Về vật chứng:

[6.1] Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 6.550.000 đồng (Sáu triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng).

[6.2] Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tây 52 lá (đã qua sử dụng) và 01 tấm bạt xốp màu trắng - đen kích thước 1m x 1m các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc.

[6.3] Đối với số tiền 11.750.000 đồng và 07 điện thoại di động các loại thu giữ của các bị cáo, do các bị cáo không sử dụng các tài sản trên vào mục đích phạm tội nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Trảng Bom đã trả lại tài sản cho các bị cáo nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Buộc các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Đối với một số đối tượng tham gia đánh bạc cùng các bị cáo đã bỏ về trước do đó không xác định được nhân thân, lai lịch nên không có căn cứ để xử lý nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[9] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017):

- Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Y, Hoàng Thị Quỳnh H, Phạm Ngọc D, Nguyễn Đại H1, Hồ Thị C, Lê Thị B, Châu Thị Ngọc A, Nguyễn Thị Ngọc D1 phạm tội "Đánh bạc".

- Xử phạt:

+ Bị cáo Nguyễn Văn Y 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

+ Bị cáo Hoàng Thị Quỳnh H 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

+ Bị cáo Phạm Ngọc D 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

+ Bị cáo Nguyễn Đại H1 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

+ Bị cáo Hồ Thị C 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

+ Bị cáo Lê Thị B 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

+ Bị cáo Châu Thị Ngọc A 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

+ Bị cáo Nguyễn Thị Ngọc D1 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng)

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; Điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017):

- Tuyên bố bị cáo Lê Thị Bé H2 phạm tội "Đánh bạc".

- Xử phạt bị cáo Lê Thị Bé H2 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện hoặc bị áp giải để chấp hành hình phạt tù nhưng được trừ đi thời gian giam giữ trước đó (từ ngày 24/4/2023 đến ngày 22/6/2023).

3. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 6.550.000 đồng (sáu triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng).

- Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tây 52 lá (đã qua sử dụng) và 01 tấm bạt xốp màu trắng - đen kích thước 1m x 1m.

(Toàn bộ số vật chứng nêu trên được bàn giao theo biên lai thu tiền số 0005496 ngày 23/8/2023 và biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 23/8/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom).

6. Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14: Buộc các bị cáo Nguyễn Văn Y, Hoàng Thị Quỳnh H, Phạm Ngọc D, Nguyễn Đại H1, Hồ Thị C, Lê Thị B, Châu Thị Ngọc A, Nguyễn Thị Ngọc D1 và Lê Thị Bé H2 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

7. Các bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Trảng Bom;
- Công an huyện Trảng Bom;
- THADS huyện Trảng Bom;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

Mẫu 27-HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thành Tâm